ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 430/TB-CTUBND	*Đại Đồng, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Để thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc Hội: số 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 669/UBND-KT2 ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện một số nội dung theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chuyên môn giúp việc khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã Đại Đồng về Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê quyệt Dự án thành phần 9: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ tờ trình số 08/TTr-HĐBT ngày 14/9/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Đại Đồng.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 268/TTr-KT ngày 14/9/2026.

Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo như sau:

1. Diện tích, vị trí khu đất thu hồi:

- Tổng diện tích thu hồi: 242.488,0 m^2;

Gồm các loại đất:

+ Đất chuyên trồng lúa (LUC): 31.732,7 m^2

+ Đất thủy lợi (DTL): 40.638,2 m^2

+ Đất nghĩa trang (NTD): 290,5 m^2

+ Đất giao thông (DGT): 86.114,3 m^2

+ Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC): 59.095,2 m^2

+ Đất bằng trồng cây hằng năm khác (BHK): 8.226,5 m^2

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN): 342,0 m^2

+ Đất công trình công cộng khác (DCK): 124,7 m^2

+ Đất công trình năng lượng (DNL): 35,2 m^2

+ Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK): 898,1 m^2

+ Đất nuôi trồng thuỷ sản (NTS): 13.587,0 m^2

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 1014,0 m^2

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: 389,6 m^2

- Vị trí thu hồi đất theo trích lục bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 01 trích lục ngày 17/7/2026.

(Có danh sách các thửa đất thu hồi kèm theo)

2. Lý do thu hồi: Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

3. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất do UBND xã Đại Đồng quản lý.

4. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm: Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: 90 ngày đối với đất nông nghiệp, 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp kể từ ngày ký thông báo thu hồi.

5. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất: Không.

6. Thời gian hiệu lực thông báo thu hồi đất là 12 tháng tính từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

7. UBND xã Đại Đồng có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã Đại Đồng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất, mồ mả (nếu có) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Chủ đầu tư:
- Hội đồng BTHT&TĐ;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Chuẩn

DANH SÁCH THỬA ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA PHẬN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số 430 /TB - CTUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng

TT	Chủ sử dụng	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Nguồn gốc đất
	UBND xã Đại Đồng					
1		76	203	0,5	LUC	UBND xã quản lý
2		76	295	86,2	LUC	UBND xã quản lý
3		76	320	121,1	LUC	UBND xã quản lý
4		76	184	2,6	LUC	UBND xã quản lý
5		76	244	808,2	LUC	UBND xã quản lý
6		76	222	0,2	LUC	UBND xã quản lý
7		76	245	0,1	LUC	UBND xã quản lý
8		76	268	1,8	LUC	UBND xã quản lý
9		76	299	463,6	LUC	UBND xã quản lý
10		76	301	72,0	NTD	UBND xã quản lý
11		76	302	90,1	NTD	UBND xã quản lý
12		76	312	148,1	LUC	UBND xã quản lý
13		76	324	2,0	LUC	UBND xã quản lý
14		76	129	135,6	BHK	UBND xã quản lý
15		76	137	390,2	BHK	UBND xã quản lý
16		76	152	679,0	BHK	UBND xã quản lý
17		76	185	323,0	BHK	UBND xã quản lý
18		76	205	652,7	BHK	UBND xã quản lý
19		76	224	386,7	BHK	UBND xã quản lý
20		76	223	446,0	DTL	UBND xã quản lý
21		76	247	1188,1	MNC	UBND xã quản lý
22		76	270	939,5	MNC	UBND xã quản lý
23		76	300	1691,9	MNC	UBND xã quản lý
24		76	313	267,0	DTL	UBND xã quản lý
25		76	242	806,0	DTL	UBND xã quản lý
26		76	283	186,0	DTL	UBND xã quản lý
27		76	298	178,0	DTL	UBND xã quản lý
28		76	136	352,7	DTL	UBND xã quản lý
29		76	240	37,4	DTL	UBND xã quản lý
30		76	293	243,2	DTL	UBND xã quản lý
31		76	323	410,0	DTL	UBND xã quản lý
32		76	522	11504,7	DGT	UBND xã quản lý
		TỔNG		**22614,2**		

DANH SÁCH THỬA ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA PHẬN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số 430 /TB - CTUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng

TT	Chủ sử dụng	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Nguồn gốc đất
	UBND xã Đại Đồng					
1		Tờ 77	371	162,7	LUC	UBND xã quản lý
2		77	384	1,3	LUC	UBND xã quản lý
3		77	391	120,6	LUC	UBND xã quản lý
4		77	408	8,3	LUC	UBND xã quản lý
5		77	416	632,4	LUC	UBND xã quản lý
6		77	417	1493,7	LUC	UBND xã quản lý
7		77	427	0,2	LUC	UBND xã quản lý
8		77	453	3,0	LUC	UBND xã quản lý
9		77	441	69,1	LUC	UBND xã quản lý
10		77	473	2,9	LUC	UBND xã quản lý
11		77	420	215,0	LUC	UBND xã quản lý
12		77	421	126,0	LUC	UBND xã quản lý
13		77	422	382,0	LUC	UBND xã quản lý
14		77	428	238,0	LUC	UBND xã quản lý
15		77	429	104,0	LUC	UBND xã quản lý
16		77	430	70,0	LUC	UBND xã quản lý
17		77	431	28,0	LUC	UBND xã quản lý
18		77	432	269,0	LUC	UBND xã quản lý
19		77	433	222,0	LUC	UBND xã quản lý
20		77	434	369,0	LUC	UBND xã quản lý
21		77	444	88,7	LUC	UBND xã quản lý
22		77	445	13,5	LUC	UBND xã quản lý
23		77	446	123,0	LUC	UBND xã quản lý
24		77	447	118,0	LUC	UBND xã quản lý
25		77	448	313,0	LUC	UBND xã quản lý
26		77	442	95,8	LUC	UBND xã quản lý
27		77	457	0,0	LUC	UBND xã quản lý
28		77	476	3,3	LUC	UBND xã quản lý
29		77	458	4,5	LUC	UBND xã quản lý
30		77	459	0,2	LUC	UBND xã quản lý
31		77	460	1,2	LUC	UBND xã quản lý
32		77	449	0,2	LUC	UBND xã quản lý
33		77	483	1075,4	LUC	UBND xã quản lý
34		77	484	31,675	LUC	UBND xã quản lý
35		77	517	71,9	LUC	UBND xã quản lý

36		77	518	4,3	LUC	UBND xã quản lý
37		77	507	2,6	LUC	UBND xã quản lý
38		77	508	1,4	LUC	UBND xã quản lý
39		77	509	0,4	LUC	UBND xã quản lý
40		77	510	2,5	LUC	UBND xã quản lý
41		77	493	0,9	LUC	UBND xã quản lý
42		77	407	33,0	MNC	UBND xã quản lý
43		77	506	793,6	MNC	UBND xã quản lý
44		77	491	1101,2	MNC	UBND xã quản lý
45		77	492	522,9	MNC	UBND xã quản lý
46		77	412	1794,7	BHK	UBND xã quản lý
47		77	349	1907,1	BHK	UBND xã quản lý
48		77	385	641,8	BHK	UBND xã quản lý
49		77	413	95,0	BHK	UBND xã quản lý
50		77	414	30,0	BHK	UBND xã quản lý
51		77	486	961,7	DTL	UBND xã quản lý
52		77	520	291,9	DTL	UBND xã quản lý
53		77	519	279,1	DTL	UBND xã quản lý
54		77	521	72,0	DTL	UBND xã quản lý
55		77	525	180,6	DTL	UBND xã quản lý
56		77	526	162,2	DTL	UBND xã quản lý
57		77	499	372,6	DTL	UBND xã quản lý
58		77	494	175,1	DTL	UBND xã quản lý
59		77	500	413,6	DTL	UBND xã quản lý
60		77	477	347,8	DTL	UBND xã quản lý
61		77	479	307,2	DTL	UBND xã quản lý
62		77	462	173,6	DTL	UBND xã quản lý
63		77	443	49,8	DTL	UBND xã quản lý
64		77	418	13,6	DTL	UBND xã quản lý
65		77	419	708,6	DTL	UBND xã quản lý
66		77	435	1015,1	DTL	UBND xã quản lý
67		77	436	152,4	DTL	UBND xã quản lý
68		77	437	192,8	DTL	UBND xã quản lý
69		77	454	13,0	DTL	UBND xã quản lý
70		77	399	173,0	DTL	UBND xã quản lý
71		77	400	7,8	DTL	UBND xã quản lý
72		77	382	494,2	DTL	UBND xã quản lý
73		77	410	26,0	DTL	UBND xã quản lý
74		77	455	24,9	BHK	UBND xã quản lý
75		77	456	178,3	DTL	UBND xã quản lý
76		77	527	18775,8	DGT	UBND xã quản lý
77		**TỔNG**		**38951,7**		

DANH SÁCH THỬA ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA PHẬN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số 430 /TB - CTUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng

TT	Chủ sử dụng	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Nguồn gốc đất
	UBND xã Đại Đồng					
1		11	878	122,6	DGT	UBND xã quản lý
2		11	568	595,7	DGT	UBND xã quản lý
3		11	607	12,8	DGT	UBND xã quản lý
4		11	879	7204,7	DGT	UBND xã quản lý
5		11	292	76,4	DTL	UBND xã quản lý
6		11	339	21,3	DTL	UBND xã quản lý
7		11	493	234	DTL	UBND xã quản lý
8		11	494	408,5	DTL	UBND xã quản lý
9		11	506	1023,9	DTL	UBND xã quản lý
10		11	507	287,3	DTL	UBND xã quản lý
11		11	529	256,5	DTL	UBND xã quản lý
12		11	565	367,9	DTL	UBND xã quản lý
13		11	605	364	DTL	UBND xã quản lý
14		11	508	43,9	DTL	UBND xã quản lý
15		11	499	345,5	DTL	UBND xã quản lý
16		11	500	671,7	DTL	UBND xã quản lý
17		11	501	230,4	DTL	UBND xã quản lý
18		11	503	238,7	DTL	UBND xã quản lý
19		11	505	29,7	DTL	UBND xã quản lý
20		11	581	183,7	DTL	UBND xã quản lý
21		11	557	237,3	DTL	UBND xã quản lý
22		11	559	45,8	DTL	UBND xã quản lý
23		11	463	98,7	LUC	UBND xã quản lý
24		11	509	3629,2	LUC	UBND xã quản lý
25		11	224	5	MNC	UBND xã quản lý
26		11	291	14,4	MNC	UBND xã quản lý
27		11	429	1285,4	MNC	UBND xã quản lý
28		11	497	6968,4	MNC	UBND xã quản lý
29		11	498	6720,5	MNC	UBND xã quản lý
30		11	514	231,1	MNC	UBND xã quản lý
31		11	290	6,8	NHK	UBND xã quản lý
32		11	362	203,1	NHK	UBND xã quản lý
33		11	363	84,1	NHK	UBND xã quản lý
34		11	371	169,4	NHK	UBND xã quản lý
35		11	389	189	NHK	UBND xã quản lý

36		11	390	109,6	NHK	UBND xã quản lý
37		11	462	118,7	NHK	UBND xã quản lý
38		11	467	17,4	NHK	UBND xã quản lý
39		11	502	128,4	NTD	UBND xã quản lý
40		11	336	20,1	NTS	UBND xã quản lý
41		11	492	1160,7	NTS	UBND xã quản lý
42		11	512	389,6	DRA	UBND xã quản lý
43		**TỔNG**		**34551,9**		

DANH SÁCH THỬA ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA PHẬN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số 430 /TB - CTUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng

TT	Chủ sử dụng	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Nguồn gốc đất
	UBND xã Đại Đồng					
1		80	15	0,6	LUC	UBND xã quản lý
2		80	17	1,9	LUC	UBND xã quản lý
3		80	18	2,7	LUC	UBND xã quản lý
4		80	19	3,8	LUC	UBND xã quản lý
5		80	4	4,25	LUC	UBND xã quản lý
6		80	5	9,9	LUC	UBND xã quản lý
7		80	6	212,7	LUC	UBND xã quản lý
8		80	9	1,0	LUC	UBND xã quản lý
9		80	20	0,4	LUC	UBND xã quản lý
10		80	21	12,0	LUC	UBND xã quản lý
11		80	31	46,1	LUC	UBND xã quản lý
12		80	33	127,5	LUC	UBND xã quản lý
13		80	34	0,55	LUC	UBND xã quản lý
14		80	36	5,9	LUC	UBND xã quản lý
15		80	37	318,7	LUC	UBND xã quản lý
16		80	49	9,5	LUC	UBND xã quản lý
17		80	50	8,1	LUC	UBND xã quản lý
18		80	64	334,7	LUC	UBND xã quản lý
19		80	65	3,4	LUC	UBND xã quản lý
20		80	67	1,75	LUC	UBND xã quản lý
21		80	68	2,2	LUC	UBND xã quản lý
22		80	69	8,8	LUC	UBND xã quản lý
23		80	70	3,9	LUC	UBND xã quản lý
24		80	71	3,4	LUC	UBND xã quản lý
25		80	72	5,3	LUC	UBND xã quản lý
26		80	73	10,5	LUC	UBND xã quản lý
27		80	74	10,3	LUC	UBND xã quản lý
28		80	76	1,3	LUC	UBND xã quản lý
29		80	96	30,6	LUC	UBND xã quản lý
30		80	97	357,85	LUC	UBND xã quản lý
31		80	98	51	LUC	UBND xã quản lý
32		80	99	865,4	LUC	UBND xã quản lý
33		80	100	5,6	LUC	UBND xã quản lý
34		80	82	39,8	LUC	UBND xã quản lý
35		80	83	86,5	LUC	UBND xã quản lý

36		80	103	1	LUC	UBND xã quản lý
37		80	104	180,5	LUC	UBND xã quản lý
38		80	123	425,7	LUC	UBND xã quản lý
39		80	128	3,2	LUC	UBND xã quản lý
40		80	131	0,7	LUC	UBND xã quản lý
41		80	160	2	LUC	UBND xã quản lý
42		80	161	14,7	LUC	UBND xã quản lý
43		80	162	13,3	LUC	UBND xã quản lý
44		80	2	150,1	DTL	UBND xã quản lý
45		80	3	78,1	DTL	UBND xã quản lý
46		80	24	170,2	DTL	UBND xã quản lý
47		80	53	407,1	DTL	UBND xã quản lý
48		80	54	361,8	DTL	UBND xã quản lý
49		80	55	1382,6	DTL	UBND xã quản lý
50		80	25	273,0	DTL	UBND xã quản lý
51		80	26	226,8	DTL	UBND xã quản lý
52		80	27	235,0	DTL	UBND xã quản lý
53		80	28	130,0	DTL	UBND xã quản lý
54		80	29	222,0	DTL	UBND xã quản lý
55		80	79	231,2	DTL	UBND xã quản lý
56		80	80	289	DTL	UBND xã quản lý
57		80	77	164,6	DTL	UBND xã quản lý
58		80	78	182	DTL	UBND xã quản lý
59		80	108	1316	DTL	UBND xã quản lý
60		80	106	2828,8	DTL	UBND xã quản lý
61		80	109	155,5	DTL	UBND xã quản lý
62		80	125	359,0	DTL	UBND xã quản lý
63		80	136	585,5	DTL	UBND xã quản lý
64		80	137	293,4	DTL	UBND xã quản lý
65		80	156	180,0	DTL	UBND xã quản lý
66		80	189	44,1	DTL	UBND xã quản lý
67		80	190	14,6	DTL	UBND xã quản lý
68		80	243	14.483,8	DGT	UBND xã quản lý
69		**TỔNG**		**27993,2**		

DANH SÁCH THỬA ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA PHẬN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số 430 /TB - CTUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng

TT	Chủ sử dụng	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Nguồn gốc đất
	UBND xã Đại Đồng					
1		12	858	361,9	DGT	UBND xã quản lý
2		12	1124	9316,5	DGT	UBND xã quản lý
3		12	916	22,6	DTL	UBND xã quản lý
4		12	1047	536,6	DTL	UBND xã quản lý
5		12	1051	412,3	DTL	UBND xã quản lý
6		12	1095	245,1	DTL	UBND xã quản lý
7		12	1098	412,3	DTL	UBND xã quản lý
8		12	1099	203,3	DTL	UBND xã quản lý
9		12	1123	427,8	DTL	UBND xã quản lý
10		12	1293	405,5	DTL	UBND xã quản lý
11		12	856	790,9	LUC	UBND xã quản lý
12		12	857	753,6	LUC	UBND xã quản lý
13		12	859	306,4	LUC	UBND xã quản lý
14		12	914	865,5	LUC	UBND xã quản lý
15		12	965	9,1	LUC	UBND xã quản lý
16		12	915	3831	MNC	UBND xã quản lý
17		12	964	4841,9	MNC	UBND xã quản lý
18		12	1086	9526,7	MNC	UBND xã quản lý
19		12	1209	296,5	MNC	UBND xã quản lý
20		**TỔNG**		**33565,5**		

DANH SÁCH THỬA ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA PHẬN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số 430 /TB - CTUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng

TT	Chủ sử dụng	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Nguồn gốc đất
	UBND xã Đại Đồng					
1		81	78	10,4	LUC	UBND xã quản lý
2		81	118	574,7	LUC	UBND xã quản lý
3		81	140	1173,3	LUC	UBND xã quản lý
4		81	141	109,1	LUC	UBND xã quản lý
5		81	143	72,5	LUC	UBND xã quản lý
6		81	161	105	LUC	UBND xã quản lý
7		81	206	5,8	LUC	UBND xã quản lý
8		81	210	0,3	LUC	UBND xã quản lý
9		81	211	98,5	LUC	UBND xã quản lý
10		81	288	226,9	LUC	UBND xã quản lý
11		81	288	0,3	LUC	UBND xã quản lý
12		81	288	0,3	LUC	UBND xã quản lý
13		81	272	0,3	LUC	UBND xã quản lý
14		81	281	4,7	LUC	UBND xã quản lý
15		81	188	36,9	LUC	UBND xã quản lý
16		81	244	5279,2	LUC	UBND xã quản lý
17		81	26	18,1	DTL	UBND xã quản lý
18		81	79	1242,2	DTL	UBND xã quản lý
19		81	154	404,6	DTL	UBND xã quản lý
20		81	205	705,8	DTL	UBND xã quản lý
21		81	264	134,4	DTL	UBND xã quản lý
22		81	129	423,7	DTL	UBND xã quản lý
23		81	130	3098,8	DTL	UBND xã quản lý
24		81	131	63,9	DTL	UBND xã quản lý
25		81	104	415,1	DTL	UBND xã quản lý
26		81	105	472,7	DTL	UBND xã quản lý
27		81	80	138,3	DTL	UBND xã quản lý
28		81	117	40,4	DTL	UBND xã quản lý
29		81	168	229,4	DTL	UBND xã quản lý
30		81	167	56,2	DTL	UBND xã quản lý
31		81	169	677,2	DTL	UBND xã quản lý
32		81	233	42,7	DTL	UBND xã quản lý
33		81	234	60,5	DTL	UBND xã quản lý
34		81	225	124,9	DTL	UBND xã quản lý
35		81	226	514,1	DTL	UBND xã quản lý

36		81	268	247	DTL	UBND xã quản lý
37		81	269	6,8	DTL	UBND xã quản lý
38		81	253	157,9	DTL	UBND xã quản lý
39		81	200	144,1	DTL	UBND xã quản lý
40		81	185	6,9	DTL	UBND xã quản lý
41		81	160	176,8	DTL	UBND xã quản lý
42		81	189	337,7	DTL	UBND xã quản lý
43		81	227	275,1	DTL	UBND xã quản lý
44		81	263	1114,9	DTL	UBND xã quản lý
45		81	288	14172,3	DGT	UBND xã quản lý
46		**TỔNG**		**33200,7**		

DANH SÁCH THỬA ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA PHẬN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số 430 /TB - CTUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng

TT	Chủ sử dụng	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Nguồn gốc đất
	UBND xã Đại Đồng					
1		30	181	190,6	DGT	UBND xã quản lý
2		30	193	1414,7	LUC	UBND xã quản lý
3		30	171	563,8	NTS	UBND xã quản lý
4		30	192	1870,9	NTS	UBND xã quản lý
5		30	190	342	CLN	UBND xã quản lý
6		30	191	124,7	DCK	UBND xã quản lý
1		32	1	107	DGT	UBND xã quản lý
2		32	81	72,5	DGT	UBND xã quản lý
3		32	111	17,1	DTL	UBND xã quản lý
4		32	2	1099,1	LUC	UBND xã quản lý
5		32	15	2392,9	LUC	UBND xã quản lý
6		32	16	432,4	LUC	UBND xã quản lý
7		32	17	897,2	LUC	UBND xã quản lý
8		32	80	3462,3	NTS	UBND xã quản lý
1		42	101	373,7	DGT	UBND xã quản lý
2		42	85	5338,7	MNC	UBND xã quản lý
3		42	115	1871,5	MNC	UBND xã quản lý
4		42	126	1373,7	MNC	UBND xã quản lý
1		43	573	534,8	BHK	UBND xã quản lý
2		43	586	631	BHK	UBND xã quản lý
3		43	544	728	DGT	UBND xã quản lý
4		43	561	63	DGT	UBND xã quản lý
5		43	578	150	DGT	UBND xã quản lý
6		43	612	2513,3	DGT	UBND xã quản lý
7		43	593	35,2	DNL	UBND xã quản lý
8		43	545	202,6	DTL	UBND xã quản lý
9		43	577	208,6	DTL	UBND xã quản lý
10		43	605	353	DTL	UBND xã quản lý
11		43	639	495,4	DTL	UBND xã quản lý
12		43	659	11,6	LUC	UBND xã quản lý
13		43	546	2552,4	MNC	UBND xã quản lý
14		43	599	3776,3	MNC	UBND xã quản lý
15		43	623	2782,8	MNC	UBND xã quản lý
16		43	579	1014	SON	UBND xã quản lý
17		**TỔNG**		**37996,8**		

DANH SÁCH THỬA ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA PHẬN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số 430 /TB - CTUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng

TT	Chủ sử dụng	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Nguồn gốc đất
	UBND xã Đại Đồng					
1		45	51	430,6	DGT	UBND xã quản lý
2		45	7	1,5	DTL	UBND xã quản lý
3		45	9	329,1	DTL	UBND xã quản lý
4		45	10	1408,7	MNC	UBND xã quản lý
1		66	1	2005,7	DGT	UBND xã quản lý
2		66	21	1077,4	DGT	UBND xã quản lý
1		92	73	1851,7	DGT	UBND xã quản lý
2		92	58	6509,2	NTS	UBND xã quản lý
3		**TỔNG**		**13613,9**		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 186/TB-UBND	*Đại Đồng, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất của UBND xã quản lý để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/07/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất từ số 430/TB-UBND ngày 15/09/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Uỷ ban nhân dân xã Đại Đồng niêm yết, công khai thông báo thu hồi đất do UBND xã quản lý để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, thời gian niêm yết, công khai kể từ ngày 15/09/2026, địa điểm tại:

1. Trụ sở UBND xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;
2. Nhà văn hóa các thôn có đất thu hồi.

(Có danh sách thửa đất thu hồi đất kèm theo)

Giao phòng Văn hóa - Xã hội xã đăng tải trên cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng, trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, cơ sở các thôn có đất thu hồi thông báo trên loa đài truyền thanh và các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết./.

Nơi nhận:
- Hội đồng BTHT&TĐC;
- Phòng văn hóa - xã hội;
- Phòng Kinh tế xã;
- Ban quản lý dự án ĐTXD xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Cơ sở các thôn có đất thu hồi;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chương